

Bản án số: 25/2017/HSST

Ngày 26/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ - TỈNH BẮC NINH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách, bà Lê Thị Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thử, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/TLST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/HSST-QĐ ngày 12/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1994.

HKTT: Thôn TC, thị trấn PM, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Hiện ở tại: Thôn Đ, thị trấn PM, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1964, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Gia đình có 04 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 4; Vợ Bùi Thị Hương G, sinh năm 1999, con có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 5/9/2017 đến ngày 8/9/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1994. (có mặt)

HKTT: Thôn MĐ, xã MĐ, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn GT, xã PL, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Vũ Thị M, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TT, xã PL, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Bùi Thị Hương G, sinh năm 1999. (vắng mặt)
Hiện ở tại: Thôn Đ, thị trấn PM, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế Đ sinh năm 1994 ở thị trấn PM, Ẻ sinh năm 1988 người thôn ĐĐ, xã ĐV, huyện Quế Võ và Nguyễn Trọng S sinh năm 1994 người thôn MĐ, xã MĐ, huyện Quế Võ là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội.

Khoảng 12h ngày 25/02/2016 Đ đang ở nhà có điện thoại cho Ẻ nhờ Ẻ đưa xuống nhà anh S với mục đích hỏi vay tiền. Khi đến nhà, Đ thấy nhà anh S mở cửa nên đã bảo Ẻ đi xe về còn Đ đi vào nhà anh S. Tại nhà anh S, Đ nhìn thấy một xe máy Honda Airblade màu đen đỏ BKS 99G1- 028.86 đang để ở sân. Không thấy có ai xung quanh, Đ gọi cửa nhưng cũng không thấy có ai trả lời nên Đ đã đi vào nhà thì thấy chìa khóa xe đang để ở bàn uống nước. Thấy không có ai nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ lấy chìa khóa ra nổ máy xe và đi về một tiệm cầm đồ ở thôn DN, xã PL, huyện Quế Võ cầm cố được số tiền 4.000.000 đồng và ăn tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 13/6/2016 do không có tiền chuộc xe nên Đ đã gọi điện cho Nguyễn Văn Hoàng A, sinh năm 1994 ở thôn GT, xã PL, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh là bạn đồng ngũ với Đ và bảo Hoàng A chuộc xe ra. Do Hoàng A cũng không có tiền nên Hoàng A đã nói với mẹ mình là chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975 điện thoại nói chuyện thỏa thuận với Đ. Khoảng 15h cùng ngày, chị Th cùng với chị Vũ Thị M, sinh năm 1983 người thôn TT, xã PL, huyện Tiên Du đi xe tắc xi sang gặp Đ rồi cả ba đi lên hiệu cầm đồ ở thôn DN. Chị Th đã đưa cho Đ 4.000.000 đồng để Đ vào chuộc xe, sau đó chị Th tiếp tục đưa Đ 2.000.000 đồng nhưng bớt lại mấy trăm tiền tắc xi. Toàn bộ số tiền đưa cho Đ đều là tiền của chị M đưa cho chị Th. Sau đó chị Th yêu cầu Đ viết giấy vay số tiền 6.000.000 đồng và để xe máy lại để làm tin. Đ giao xe cho chị Th và hẹn khi nào có tiền thì cho chuộc lại.

Ngày 4/9/2017 anh Nguyễn Trọng S có đơn trình báo với cơ quan chức năng về việc bị mất trộm tài sản, cùng ngày chị Vũ Thị M đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Võ giao nộp chiếc xe máy Honda Airblade màu đen đỏ BKS 99G1- 028.86. Ngày 5/9/2017 Đ đến Công an huyện Quế Võ để đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 7/9/2017 chị Bùi Thị Hương G là vợ của Đ đã giao nộp số tiền 5.500.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 89/KL ngày 5/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của huyện Quế Võ đã kết luận “Xe máy Honda Airblade màu đen đỏ BKS 99G1- 028.86 đã qua sử dụng có trị giá 19.772.050 đồng”.

Ngày 19/9/2017 Cơ quan Công an huyện Quế Võ đã trả lại anh Nguyễn Trọng S tài sản bị trộm cắp. Ngày 21/9/2017 Công an cũng trả lại chị Vũ Thị M số tiền 5.500.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 185/CTr-VKS ngày 8/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ truy tố Nguyễn Thế Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận khoảng 12 giờ 00 phút ngày 25/2/2016 bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy Honda Airblade màu đen đỏ BKS 99G1- 028.86 của anh Nguyễn Trọng S với giá trị tài sản trộm cắp là 19.772.050 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã đưa ra chứng cứ để buộc tội Nguyễn Thế Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” với giá trị tài sản trộm cắp là 19.772.050 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ Luật hình sự, xử phạt Đ từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gia thử thách từ 24 đến 36 tháng. Về vật chứng của vụ án; Tài sản trộm cắp Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu, anh S đã nhận đủ và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Những người có quyền lợi liên quan là chị Th, chị M và chị G cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Đối với Nguyễn Văn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Th, chị Vũ Thị M do không biết chiếc xe máy là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp. Đối với người tên E mà bị cáo Đ khai, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có ai có tên và địa chỉ như bị cáo khai nên đã tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

Bị cáo Đ nhận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Lời khai của bị cáo Nguyễn Thế Đ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, có căn cứ để xác định; Khoảng 12h ngày 25/2/2016 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tài sản trị giá 19.772.505 đồng của anh Nguyễn Trọng S. Hành vi lén lút chiếm đoạt số tài sản trị giá 19.772.505 đồng của bị cáo Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Quế Võ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an ninh trên địa bàn. Do vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã tác động gia đình nộp số tiền 5.500.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình đã gây ra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b điểm h và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ Luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo cũng đã đến cơ quan điều tra để đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo trước đó cũng có thời gian đi thực hiện nghĩa vụ quân sự, đã làm tròn trách nhiệm quân sự với đất nước, bị cáo cũng có ông ngoại là Hoàng Đình T được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Phía người bị hại là anh S có đơn và tại phiên tòa vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo. Thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự cũng đã là một bài học sâu sắc cho bị cáo, bị cáo lại có nơi cư trú rõ ràng do vậy Hội đồng xét xử thấy chưa cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội sau này.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định của điều luật thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên hoàn cảnh kinh tế của bị cáo có khó khăn, vợ chồng đã sống ly thân nên thấy rằng không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng là để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt, nhanh chóng hòa nhập xã hội, hòa nhập cộng đồng.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe máy Cơ quan điều tra đã trả lại anh S, anh Sơn nên không xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Phía người bị hại là anh Nguyễn Trọng S đã nhận lại số tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị Th, chị Vũ Thị M và chị Bùi Thị Hương G cũng không có yêu cầu gì nên cũng không xem xét giải quyết.

Trong vụ án có người liên quan là anh Nguyễn Văn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Th, chị Vũ Thị M do khi nhận cũng không biết chiếc xe máy là tài sản do Đ

trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp. Đối với người tên Ẻ mà bị cáo Đ khai, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có ai có tên và địa chỉ như bị cáo khai nên đã tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thế Đ 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn PM, huyện QV quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ Luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Buộc bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thế Đ, anh Nguyễn Trọng S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Th, chị Vũ Thị M và chị Bùi Thị Hương G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Công an huyện Quế Võ.
- Chi cục THA dân sự huyện Quế Võ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

bNguyễn Sỹ Cây

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách, bà Lê Thị Phụng.

Căn cứ vào Điều 199 và điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành nghị án đối với vụ án bị cáo Nguyễn Thế Đức bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau.

1. Về tội danh; “Trộm cắp tài sản”

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b điểm p điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt Nguyễn Thế Đức 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đức cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

4. Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng: Không xem xét giải quyết do vật chứng đã trả lại người bị hại.

- Về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết do người bị hại, người liên quan không yêu cầu.

- Về án phí: Buộc bị cáo Đức phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thế Đức, anh Nguyễn Trọng Sơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thúy, chị Vũ Thị Miên và chị Bùi Thị Hương Giang có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Sách

Lê Thị Phụng

Nguyễn Sỹ Cây

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Công an huyện Quế Võ.
- Chi cục THA dân sự huyện Quế Võ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây